

Số: 3329 /QĐ-ĐHKT-ĐT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc duyệt danh sách sinh viên thuộc diện miễn, giảm học phí xét đợt 2, học kỳ cuối năm 2023

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-ĐHKT-HĐT ngày 08 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo và Trưởng phòng Tài chính - Kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt danh sách 37 (ba mươi bảy) sinh viên thuộc diện miễn, giảm học phí xét đợt 2, học kỳ cuối năm 2023 (Danh sách đính kèm).

Điều 2. Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng phòng Tài chính - Kế toán, các Trưởng đơn vị liên quan và các sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VT, ĐT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

TS. Bùi Quang Hùng

**DANH SÁCH SINH VIÊN THUỘC DIỆN MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ
XÉT ĐỢT 2, HỌC KỲ CUỐI NĂM 2023**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 3329 /QĐ-ĐHKT-ĐT
ngày 05 tháng 10 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh)*

STT	Mã số sinh viên	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Mã lớp sinh viên	Khối ngành	Diện miễn, giảm học phí	Mức miễn, giảm học phí	Ghi chú
1	31201024892	Lê Thị	Thức	12/08/2002	DH46ADC08	III	Hộ nghèo, DTTS	100 %	
2	31201020085	Lang Thị Hồng	Nhung	20/10/2002	DH46AV003	VII	Hộ nghèo, DTTS	100 %	
3	31211024640	Lê Thị Thu	Phương	23/10/2003	DH47AD001	III	C.TNLD, BNN	50 %	
4	31211025468	Nguyễn Ngọc	Trần	19/10/2003	DH47KN010	III	CMM	100 %	HKD2023 HKC2023
5	31211026644	Hà Diệu	Linh	12/11/2003	DH47AD006	III	Hộ nghèo, DTTS	100 %	
6	31211023861	Lâm Thị Mỹ	Thùy	20/02/2003	DH47FI001	III	Hộ nghèo, DTTS	100 %	
7	31211021824	Lục Thiên	Kiều	10/11/2003	DH47KO001	III	Hộ nghèo, DTTS	100 %	
8	31211020737	Tài Sĩ	Học	04/11/2003	DH47MR003	III	Hộ nghèo, DTTS	100 %	
9	31221026395	Nông Thị Phương	Thanh	24/03/2004	DH48EM002	III	Hộ nghèo, DTTS	100 %	
10	31221024970	Nguyễn Quang	Phục	29/08/2004	DH48TT001	III	Hộ nghèo, DTTS	100 %	
11	31221022395	Thạch Thị Hồng	Diệu	14/05/2003	DH48AV004	VII	VS, DTTS	70 %	HKD2023 HKC2023
12	31221022978	Trang Thị Yến	Nhi	04/05/2003	DH48AV004	VII	VS, DTTS	70 %	HKD2023 HKC2023

STT	Mã số sinh viên	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Mã lớp sinh viên	Khối ngành	Diện miễn, giảm học phí	Mức miễn, giảm học phí	Ghi chú
13	31221026243	Nông Bảo	Trân	01/08/2004	DH48HQ002	III	VS, DTTS	70 %	
14	31221022381	Kim Thị Du	Mỹ	28/11/2003	DH48MR002	III	VS, DTTS	70 %	HKD2023 HKC2023
15	31231027394	Võ Thị Khánh	Hòa	01/06/2005	DH49AD0006	III	BTTT	100 %	
16	31231020004	Trần Ngọc Minh	Thư	11/05/2005	DH49LM0001	V	BTTT	100 %	
17	31231020012	Huỳnh Ngọc	Hiếu	17/07/2005	DH49MTP001	III	BTTT	100 %	
18	31231025642	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	17/09/2005	DH49IB0005	III	C.TNLD, BNN	50 %	
19	31231026082	Nguyễn Phú	Thăng	29/10/2005	DH49IBP004	III	C.TNLD, BNN	50 %	
20	31231023525	Mai Thị Thúy	Liều	02/03/2003	DH49FI0001	III	CBB2/3	100 %	
21	31231023377	Châu Anh	Thư	20/02/2005	DH49KO0001	III	CBB2/3	100 %	
22	31231023417	Đàm Quế	Anh	23/04/2005	DH49TSP001	VII	CBB2/3	100 %	
23	31231023690	Phạm Mai	Phương	12/09/2005	DH49EL0002	III	CLS	100 %	
24	31231024573	Hà Thị Hồng	Ngọc	20/04/2005	DH49FN0003	III	CTB3/4	100 %	
25	31231022313	Nguyễn Diệp Quang	Khánh	18/05/2005	DH49KNP003	III	CTB3/4	100 %	
26	31231026165	Nguyễn Hồng	Đức	16/08/2005	DH49AD0006	III	CTB4/4	100 %	
27	31231025067	Trần Thị Ngọc	Liên	14/08/2005	DH49AV0002	VII	CTB4/4	100 %	
28	31231027560	Nguyễn Thị Hà	Giang	20/01/2005	DH49MR0002	III	CTB4/4	100 %	
29	31231023568	Quách Thị Mỹ	Duyên	12/12/2004	DH49KO0001	III	Hộ nghèo, DTTS	100 %	
30	31231024408	Lý Nhật	Tiền	11/12/2005	DH49AD0008	III	VS, DTTS	70 %	

STT	Mã số sinh viên	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Mã lớp sinh viên	Khối ngành	Diện miễn, giảm học phí	Mức miễn, giảm học phí	Ghi chú
31	31231026489	Luong Quốc	An	09/08/2005	DH49AD0008	III	VS, DTTS	70 %	
32	31231024451	Nguyễn Phụng	Quỳnh	29/12/2005	DH49FEP001	III	VS, DTTS	70 %	
33	31231027948	Kiên Ngọc	Hân	19/04/2004	DH49LM0001	V	VS, DTTS	70 %	
34	31231027947	Tè Thị Hồng	Đào	24/02/2004	DH49MR0002	III	VS, DTTS	70 %	
35	31231027949	Ka	Hảo	28/03/2004	DH49MR0002	III	VS, DTTS	70 %	
36	31231027946	Bế Ngọc	Hải	10/03/2005	DH49NHP002	III	VS, DTTS	70 %	
37	35231020390	Phạm Thị Minh	Thư	26/05/2000	LT28.1NH01	III	CTB4/4	100 %	HKD2023 HKC2023

(Danh sách có 37 sinh viên)./.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Bùi Quang Hùng